

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nhà Bè, ngày 10 tháng 3 năm 2022

BIÊN BẢN

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021

Đơn vị được xét duyệt (hoặc thẩm định): **Trường MẦM NON MẠ NON**

Mã chương 622; Loại 070; Khoản 071

I. Thành phần xét duyệt (hoặc thẩm định):

1. Đại diện đơn vị dự toán được xét duyệt (hoặc thẩm định):

Bà: Huỳnh Mộng Ngọc

Chức vụ : Hiệu trưởng

Bà: Phạm Thị Cẩm Nhung

Chức vụ : Kế toán trưởng

2. Đại diện cơ quan, đơn vị xét duyệt (hoặc thẩm định):

Ông : Ngô Đức Tuấn

Chức vụ : Phó Trưởng phòng TCKH

Bà : Trần Thị Diễm Thu

Chức vụ : Chuyên viên

Bà : Nguyễn Thị Ngọc

Chức vụ : Chuyên viên

II. Nội dung xét duyệt (hoặc thẩm định):

1. Phạm vi xét duyệt (hoặc thẩm định): Quyết toán ngân sách năm 2021

2. Số liệu quyết toán:

a. Thu phí, lệ phí; Hoạt động sự nghiệp và hoạt động SXKD dịch vụ:

*** Thu phí, lệ phí**

+ Tổng số thu trong năm : 0 đồng

Trong đó:

Số phí được khấu trừ để lại : 0 đồng

+ Số chi trong năm : 0 đồng

(Phụ lục biểu 1A đính kèm)

*** Hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ:**

- Tổng số thu trong năm : 753.615.745 đồng

Trong đó:

+ Thu học phí quy định : 127.855.000 đồng

+ Thu thỏa thuận : 625.760.745 đồng

+ Thu khác : 0 đồng

Chi từ nguồn thu sự nghiệp : 753.615.745 đồng

1. Chi từ học phí quy định : 127.855.000 đồng

+ Trích 40% CCTL	:	45.450.000 đồng
+ Chi hoạt động	:	68.175.000 đồng
+ Trích chi hoàn trả	:	14.230.000 đồng
2. Chi từ nguồn thu thỏa thuận	:	625.760.745 đồng
+ Chi nộp thuế	:	11.139.062 đồng
+ Chi hoạt động	:	545.340.600 đồng
+ Chi hoàn trả	:	69.097.500 đồng
+ Kết quả thu lớn hơn chi	:	183.583 đồng
Trích CCTL	:	73.433 đồng
Trích lập quỹ	:	110.150 đồng

(Phụ lục biểu 1B đính kèm)

b. Quyết toán chi ngân sách

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	:	480.821.767 đồng
* Kinh phí thường xuyên (nguồn 14)	:	480.821.767 đồng
- Dư toán được giao trong năm	:	5.389.539.000 đồng
* Kinh phí thường xuyên (nguồn 13)	:	4.453.047.000 đồng
* Kinh phí thường xuyên (nguồn 14)	:	936.492.000 đồng
* Kinh phí không thường xuyên (nguồn 12)	:	0 đồng
- Tổng số được sử dụng trong năm	:	5.870.360.767 đồng
* Kinh phí thường xuyên (nguồn 13)	:	4.453.047.000 đồng
* Kinh phí thường xuyên (nguồn 14)	:	1.417.313.767 đồng
* Kinh phí không thường xuyên (nguồn 12)	:	0 đồng
- Kinh phí quyết toán	:	5.856.763.257 đồng
* Kinh phí thường xuyên (nguồn 13)	:	4.453.047.000 đồng
* Kinh phí thường xuyên (nguồn 14)	:	1.403.716.257 đồng
* Kinh phí không thường xuyên (nguồn 12)	:	0 đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau	:	13.597.510 đồng
* Kinh phí thường xuyên (nguồn 14)	:	13.597.510 đồng
- Kinh phí không thường xuyên (hủy)	:	0 đồng

(Biểu mẫu 1c phần 1, phần 2)

3. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính.

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: 0 đồng
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: 0 đồng

- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 0 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu số 69 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC)

4. Thuyết minh số liệu quyết toán:

Nêu rõ nguyên nhân chênh lệch giữa số liệu xem xét duyệt, hoặc thẩm định với số liệu của đơn vị được xét duyệt hoặc thẩm định (nếu có).

III. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 183.583 đồng, trong đó:
 - Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng
 - Trích lập các Quỹ: 110.150 đồng
 - Kinh phí cải cách tiền lương: 73.433 đồng
- (Số liệu chi tiết theo biểu mẫu 1b)

IV. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Đơn vị nộp báo cáo quyết toán đúng thời hạn quy định.
- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: Đã in sổ sách và các biểu mẫu quyết toán đầy đủ.

- Về chấp hành các quy định của nhà nước:

+ Về lập, phân bổ dự toán: Đơn vị có lập và phân bổ dự toán.

+ Về mua sắm sửa chữa tài sản: Đơn vị thực hiện mua sắm và sửa chữa theo dự toán đã phân bổ. Tuy nhiên đối với chứng từ thanh toán ngày 27/12/2021 chi sửa chữa chống thấm số tiền 45.000.000đ nội dung chi đóng la phòng 3 nhà vệ sinh đơn vị không ghi rõ kích thước, số tiền/m² là bao nhiêu; chứng từ thanh toán ngày 27/12/2021 chi bảo trì sửa chữa thiết bị phòng cháy chữa cháy số tiền 9.000.000đ không ghi rõ nội dung cần bảo trì sửa chữa.

+ Về Quản lý và sử dụng tài sản: Đơn vị có công khai quản lý tài sản, xây dựng quy chế quản lý tài sản công; có hạch toán tăng tài sản, nhập phần mềm quản lý tài sản và in sổ sách lưu giữ.

+ Chế độ thu nộp ngân sách nhà nước: Đơn vị trích nộp thuế theo quy định.

+ Chế độ chi tiêu:

Về phần thu: Cơ bản đơn vị thu theo quy định.

Về phần chi: Kiểm tra chứng từ tháng 12 cơ bản đơn vị chi theo chế độ, tiêu chuẩn định mức.

Về chứng từ: Chứng từ cơ bản quyết toán đầy đủ sắp xếp gọn gàng, thực hiện thanh quyết toán bằng hóa đơn tài chính khi mua hàng hóa, vật tư theo Nghị định số

51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ “qui định về hóa đơn bán hàng hóa cung ứng dịch vụ.

+ Về hạch toán thu, chi, mục lục ngân sách nhà nước. Đơn vị có hạch toán thu chi theo mục lục ngân sách.

+ Về thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, thanh tra và cơ quan tài chính. Không có.

+ Số liệu giữa báo cáo quyết toán so với đối chiếu Kho bạc. Số liệu quyết toán khớp so với đối chiếu kho bạc.

2. Kiến nghị:

- In bổ sung sổ nhật ký sổ cái để lưu giữ theo quy định.

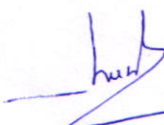
- Đối với chi sửa chữa cần ghi rõ kích thước, số tiền, nội dung cần sửa chữa ...

Biên bản này được lập thành hai bản mỗi bên giữ một bản. Trường Mầm non Mạ Non chịu trách nhiệm về số liệu cung cấp cho Phòng Tài chính- Kế hoạch.

Đại diện đơn vị được xét duyệt

KẾ TOÁN

HIỆU TRƯỞNG





Phạm Thị Cẩm Nhung Huỳnh Mộng Ngọc

Đại diện phòng Tài chính Kế hoạch Huyện

THẨM KẾ

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG





Trần Thị Diễm Thu Ngô Đức Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự do – Hạnh phúc

Số: 15 /TB-TCKH

Nhà Bè, ngày 05 tháng 4 năm 2022

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021

Đơn vị xét duyệt (hoặc thẩm định): **Trường MẦM NON MẠ NON**

Chương 622; Loại 070; Khoản 071

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2021 của Trường Mầm Non Mạ Non và Biên bản xét duyệt quyết toán ngày 10 tháng 3 năm 2022 giữa Phòng Tài chính - Kế hoạch và Trường Mầm non Mạ Non.

Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo số thẩm định quyết toán ngân sách năm 2021 của Trường Mầm Non Mạ Non như sau:

I. Phần số liệu quyết toán:

1. Số liệu quyết toán:

a. Thu phí, lệ phí; Hoạt động sự nghiệp và hoạt động SXKD dịch vụ:

* Thu phí, lệ phí	:	
* Thu phí, lệ phí	:	
+ Tổng số thu trong năm	:	0 đồng
Trong đó:		
Số phí được khấu trừ để lại	:	0 đồng
+ Số chi trong năm	:	0 đồng
(Phụ lục biểu 2A đính kèm)		

*** Hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ:**

- Tổng số thu trong năm	:	753.615.745 đồng
-------------------------	---	------------------

Trong đó:

+ Thu học phí quy định	:	127.855.000 đồng
+ Thu thỏa thuận	:	625.760.745 đồng
+ Thu khác	:	0 đồng

Chi từ nguồn thu sự nghiệp	:	753.615.745 đồng
-----------------------------------	---	-------------------------

1. Chi từ học phí quy định	:	127.855.000 đồng
-----------------------------------	---	-------------------------

+ Trích 40% CCTL	:	45.450.000 đồng
------------------	---	-----------------

+ Chi hoạt động	:	68.175.000 đồng
+ Trích chi hoàn trả	:	14.230.000 đồng
2. Chi từ nguồn thu thỏa thuận	:	625.760.745 đồng
+ Chi nộp thuế	:	11.139.062 đồng
+ Chi hoạt động	:	545.340.600 đồng
+ Chi hoàn trả	:	69.097.500 đồng
+ Kết quả thu lớn hơn chi	:	183.583 đồng
Trích CCTL	:	73.433 đồng
Trích lập quỹ	:	110.150 đồng

(Phụ lục biểu 2B đính kèm)

b. Quyết toán chi ngân sách

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	:	480.821.767 đồng
* Kinh phí thường xuyên (nguồn 14)	:	480.821.767 đồng
- Dư toán được giao trong năm	:	5.389.539.000 đồng
* Kinh phí thường xuyên (nguồn 13)	:	4.453.047.000 đồng
* Kinh phí thường xuyên (nguồn 14)	:	936.492.000 đồng
* Kinh phí không thường xuyên (nguồn 12)	:	0 đồng
- Tổng số được sử dụng trong năm	:	5.870.360.767 đồng
* Kinh phí thường xuyên (nguồn 13)	:	4.453.047.000 đồng
* Kinh phí thường xuyên (nguồn 14)	:	1.417.313.767 đồng
* Kinh phí không thường xuyên (nguồn 12)	:	0 đồng
- Kinh phí quyết toán	:	5.856.763.257 đồng
* Kinh phí thường xuyên (nguồn 13)	:	4.453.047.000 đồng
* Kinh phí thường xuyên (nguồn 14)	:	1.403.716.257 đồng
* Kinh phí không thường xuyên (nguồn 12)	:	0 đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau	:	13.597.510 đồng
* Kinh phí thường xuyên (nguồn 14)	:	13.597.510 đồng
- Kinh phí không thường xuyên (hủy)	:	0 đồng

(Biểu mẫu 2C phần 1, phần 2)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính.

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: 0 đồng
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: 0 đồng
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 0 đồng

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

Nêu rõ nguyên nhân chênh lệch giữa số liệu xem xét duyệt, hoặc thẩm định với số liệu của đơn vị được xét duyệt hoặc thẩm định (nếu có).

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 183.583 đồng, trong đó:
- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng
- Trích lập các Quỹ: 110.150 đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương: 73.433 đồng

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Đơn vị nộp báo cáo quyết toán đúng thời hạn quy định.

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: Đã in sổ sách và các biểu mẫu quyết toán đầy đủ.

- Về chấp hành các quy định của nhà nước:

+ Về lập, phân bổ dự toán: Đơn vị có lập và phân bổ dự toán.

+ Về mua sắm sửa chữa tài sản: Đơn vị thực hiện mua sắm và sửa chữa theo dự toán đã phân bổ. Tuy nhiên đối với chứng từ thanh toán ngày 27/12/2021 chi sửa chữa chống thấm số tiền 45.000.000đ nội dung chi đóng la phòng 3 nhà vệ sinh đơn vị không ghi rõ kích thước, số tiền/m² là bao nhiêu; chứng từ thanh toán ngày 27/12/2021 chi bảo trì sửa chữa thiết bị phòng cháy chữa cháy số tiền 9.000.000đ không ghi rõ nội dung cần bảo trì sửa chữa.

+ Về Quản lý và sử dụng tài sản: Đơn vị có công khai quản lý tài sản, xây dựng quy chế quản lý tài sản công; có hạch toán tăng tài sản, nhập phần mềm quản lý tài sản và in sổ sách lưu giữ.

+ Chế độ thu nộp ngân sách nhà nước: Đơn vị trích nộp thuế theo quy định.

+ Chế độ chi tiêu:

Về phần thu: Cơ bản đơn vị thu theo quy định.

Về phần chi: Kiểm tra chứng từ tháng 12 cơ bản đơn vị chi theo chế độ, tiêu chuẩn định mức.

Về chứng từ: Chứng từ cơ bản quyết toán đầy đủ sắp xếp gọn gàng, thực hiện thanh quyết toán bằng hóa đơn tài chính khi mua hàng hóa, vật tư theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ “qui định về hóa đơn bán hàng hóa cung ứng dịch vụ.

+ Về hạch toán thu, chi, mục lục ngân sách nhà nước. Đơn vị có hạch toán thu chi theo mục lục ngân sách.

+ Về thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, thanh tra và cơ quan tài chính. Không có.

+ Số liệu giữa báo cáo quyết toán so với đối chiếu Kho bạc. Số liệu quyết toán khớp so với đối chiếu kho bạc.

2. Kiến nghị:

- In bổ sung sổ nhật ký sổ cái để lưu giữ theo quy định.

- Đối với chi sửa chữa cần ghi rõ kích thước, số tiền, nội dung cần sửa chữa ...

Nơi nhận:

- Tr. MN Mạ Non;
- Lưu.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Ngô Đức Tuấn

Số: 099/QĐ-TMNMN

Nhà Bè, ngày 10 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MÀM NON MẠ NON

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị thực hiện dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 26 tháng 2 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2019-2021 đối với Trường Mầm non Mạ Non;

Căn cứ Thông báo số 15/TB-TCKH ngày 05 tháng 4 năm 2022 về xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của Trường Mầm non Mạ Non (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán và các bộ phận liên quan thuộc Trường Mầm non Mạ Non thực hiện Quyết định này. *lhb*

Nơi nhận:

- Phòng TC – KH Huyện;
- Lưu: VT, HSKT *lhb*



HIỆU TRƯỞNG

Hyunh Mong Ngoc
Hyunh Mộng Ngọc

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON MẠ NON

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 099/QĐ-MN ngày 10 tháng 4 năm 2022 của Trường Mầm non Mạ Non)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0	0	
I	Số thu phí, lệ phí	0	0	0	
1	Phí	0	0	0	
	Phí tuyển dụng viên chức	0	0	0	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	0	0	0	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	0	0	0	
	7049 Chi phí khác	0	0	0	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			0	
1	Lệ phí			0	
	Lệ phí...			0	
	Lệ phí...			0	
2	Phí			0	
	Phí ...			0	
	Phí ...			0	
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	5.856,76	5.856,76	0	
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.856,76	5.856,76	0	
1	Chi quản lý hành chính			0	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			0	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			0	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			0	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			0	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			0	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			0	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			0	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			0	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.856,76	5.856,76	0	

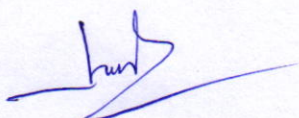
Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.856,76	5.856,76	0	
6000	Tiền lương	1.144,61	1.144,61	0	
	6001 Lương theo ngạch, bậc	1.144,61	1.145	-	
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo HĐ	-	-	0	
	6051 Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo HĐ	-	-	0	
6100	Phụ cấp lương	910,08	910,08	0	
	6101 Phụ cấp chức vụ	27,12	27,12	0	
	6105 Phụ cấp làm thêm giờ	52,07	52,07	0	
	6112 Phụ cấp ưu đãi nghề	427,92	427,92	0	
	6113 Phụ cấp trách nhiệm	-	-	0	
	6115 Phụ cấp TNVK, phụ cấp thâm niên nghề	93,07	93,07	0	
	6149 Phụ cấp khác	309,90	309,90	0	
6300	Các khoản đóng góp	360,11	360,11	0	
	6301 Bảo hiểm xã hội	261,15	261,15	0	
	6302 Bảo hiểm y tế	46,09	46,09	0	
	6303 Kinh phí công đoàn	30,72	30,72	0	
	6304 Bảo hiểm thất nghiệp	14,46	14,46	0	
	6349 Các khoản đóng góp khác	7,68	7,68		
6400	Các khoản thanh toán cá nhân	2.390,54	2.390,54	0	
	6404 Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	758,37	758,37	0	
	6449 Chi khác	1.632,17	1.632,17	0	
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	195,38	195,38	0	
	6501 Tiền điện	68,34	68,34	0	
	6502 Tiền nước	127,04	127,04	0	
6550	Vật tư văn phòng	36,25	36,25	0	
	6551 Văn phòng phẩm	18,66	18,66	0	
	6599 Vật tư văn phòng khác	17,59	17,59	0	
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	9,60	9,60	0	
	6601 Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax.	0,36	0,36		
	6605 Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao truyền hình cáp, cước phí internet, thuê đường truyền mạng	9,24	9,24		
6700	Công tác phí	18,00	18,00	0	
	6704 Khoản công tác phí	18,00	18,00	0	
6750	Chi phí thuê mướn	283,40	283,40	0	
	6757 Thuê lao động trong nước	283,40	283,40	0	
7750	Chi khác	5,35	5,35	0	

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
	7756 Chi các khoản phí, lệ phí	1,80	1,80	0	
	7766 Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	3,55	3,55	0	
7950	Chi lập các quỹ của đơn vị	503,45	503,45	0	
	7952 Quỹ phúc lợi	124,26	124,26	0	
	7953 Quỹ khen thưởng	63,20	63,20	0	
	7954 Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	315,99	315,99	0	

Nhà Bè, ngày 10 tháng 4 năm 2022

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Phạm Thị Cẩm Nhung

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Huỳnh Mộng Ngọc

